

DỰ KIẾN THU NĂM HỌC 2024-2025

STT	NỘI DUNG THU	ĐVT	SL	Mức cho phép NQ 13 (đồng)	Mức thu NH 2023-2024	Mức thu NH 2024- 2025	MỨC THỐNG NHẤT
I	Các khoản thu cho cá nhân học sinh						
1	Tiền học phẩm	đồng/học sinh /năm	1		50.000	50.000	
2	Học cụ- học liệu	đồng/học sinh /năm	1		200.000	200.000	
3	-Tiền xuất ăn sáng	đồng/học sinh /ngày	1		11.000	11.000	
4	-Tiền xuất ăn trưa + ăn xế	đồng/học sinh /ngày	1		34.000	34.000	
5	Tiền nước uống	đồng/học sinh /tháng	1		20.000	20.000	
6	Tiền khám sức khỏe trẻ	đồng/học sinh /năm	1	70.000	70.000	70.000	
7	Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	đồng/học sinh /tháng	1		15.000	15.000	
8	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	đồng/học sinh /năm	1		340.000	340.000	
8	Bảo hiểm tai nạn	đồng/học sinh /năm	1		50.000	50.000	
8	Tiền khám sức khỏe học sinh	đồng/học sinh /năm	1		70.000	70.000	
9	Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	đồng/học sinh /tháng	1	550.000	490.000	490.000	
10	Dịch vụ phục vụ ăn sáng	đồng/học sinh /tháng	1	220.000	80.000	80.000	
11	Dịch vụ sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh(Tiền điện, chi phí bảo trì, chi phí thuê máy lạnh (nếu có))		1		-	40.000	
11.1	Đối với lớp đã được trang bị sẵn máy lạnh	đồng/học sinh /tháng	1	50.000		-	
11.2	Đối với lớp có nhu cầu sử dụng nhưng chưa có máy lạnh, phải đi thuê	đồng/học sinh /tháng	1	110.000		-	

				Mức cho		Mức thu	MỨC
II	Các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục khác						
1	- Tiền tổ chức học các môn năng khiếu: Nhịp điệu, vẽ	đồng/học sinh /tháng/môn	1		80.000	80.000	
2	-Toán tư duy (UCMAS)	đồng/học sinh /tháng/môn	1		80.000	80.000	
3	-Tiếng Anh người Việt	đồng/học sinh /tháng/môn	1		90.000	90.000	
4	- Kỹ năng sống	đồng/học sinh /tháng/môn	1		90.000	90.000	
5	Tiền tổ chức nuôi dạy trẻ mầm non trong hè	đồng/học sinh /Tuần	1		300.000	300.000	
III	Các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục thực hiện theo các Đề án						
IV	Học phí	đồng/học sinh /tháng	1	Thu theo quy định			
TỔNG CỘNG							



Ngày 01 tháng 9 năm 2024

Hiệu trưởng

Nguyễn Thị Thùy Dương

THÔNG BÁO CÁC KHOẢN THU ĐẦU NĂM HỌC 2024 - 2025
THÁNG 9 NĂM 2024

STT	CHI TIẾT CÁC KHOẢN THU	Nhà trẻ	Mẫu giáo	Ghi chú
1	Tổ chức phục vụ bán trú và vệ sinh bán trú (01 tháng/cháu)	490.000	490.000	
2	Tiền học phí (01 tháng/cháu)	200.000	160.000	
3	Ăn trưa+ xế (34.000đ/tháng/cháu) x 18 ngày	612.000	612.000	
4	Ăn sáng (11.000đ/tháng/cháu) x 18 ngày	198.000	198.000	
5	Phục vụ ăn sáng (80.000đ/tháng/cháu)	80.000	80.000	
6	Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số (eNetViet) (15.000đ/tháng/cháu)	15.000	15.000	
7	Tiền nước uống học sinh (20.000đ/tháng/cháu)	20.000	20.000	
8	Tiền thiết bị phục vụ bán trú HKI NH 2024-2025 (340.000đ/năm học/cháu)	170.000	170.000	
9	Học phẩm năm học 2024-2025 (01 cháu/năm)	50.000	50.000	
10	Học cụ - Học liệu (01 cháu/năm)	200.000	200.000	
11	Bảo hiểm tai nạn	50.000	50.000	
12	Tiền khám sức khỏe học sinh	70.000	70.000	
CỘNG I		2.155.000	2.115.000	
STT	NĂNG KHIẾU	Nhà trẻ	Mẫu giáo	
1	Nhịp điệu	80.000	80.000	
2	Vẽ		80.000	
3	Kỹ năng sống		90.000	
4	Anh văn người Việt		90.000	
5	Toán tư duy		80.000	
CỘNG II		80.000	420.000	
TỔNG CỘNG I+II		2.235.000	2.535.000	

Nơi nhận

- Cha mẹ học sinh

- Lưu: KT, VT



Ngày 01 tháng 9 năm 2024

Hiệu trưởng

Nguyễn Thị Thùy Dương